

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày 17/02/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh M với anh Ngh”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tư Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Giáp Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

**Bị đơn:**

- Anh Trần Trọng Ngh, sinh năm 1984 (có mặt).

- Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Tr, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do anh Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 15/10/2021, anh M có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2021, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh Trần Trọng Ngh, chị Phạm Thị Y có vay tiền của vợ chồng anh số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay tiền vợ chồng anh Ngh có lập giấy biên nhận và có ký tên ở phần người vay và có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 09/01/2019, trong giấy biên

nhận không thỏa thuận lãi suất cũng như tài sản thế chấp. Khi vay tiền thì vợ chồng anh Ngh có nói mục đích vay tiền để làm ăn. Sau khi vay tiền thì vợ chồng anh Ngh không trả tiền như cam kết nên anh đã đòi vợ chồng anh Ngh nhiều lần nhưng vợ chồng anh Ngh chỉ trả được 30.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể: ngày 17/01/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 06/7/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 16/6/2021 trả 10.000.000 đồng. Các lần trả trên đều do ông Trần Đức D (là bố anh Ngh) trả hộ.

Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngh có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, với tư cách là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của chị H, anh M có mặt và trình bày:

Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngh có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 17/02/2022 là 6.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng anh Ngh tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

\* Tại bản tự khai ngày 04/01/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trần Trọng Ngh trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của anh M về nội dung vay tiền, anh xác định ngày 09/10/2018 anh cùng vợ là chị Phạm Thị Y có vay tiền của vợ chồng anh M, khi vay tiền vợ chồng anh có viết giấy biên nhận vay tiền đề số tiền vay là 100.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả là ngày 09/01/2019, không thỏa thuận về lãi suất. Nhưng trên thực tế có thỏa thuận về lãi suất là 4.000 đồng/ 01 triệu/ ngày. Sau khi thỏa thuận và viết giấy biên nhận thì anh M giao cho vợ chồng anh số tiền là 88.000.000 đồng (đã trừ 12.000.000 đồng của tháng lãi đầu tiên). Sau khi vay tiền thì từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 mỗi tháng anh trả lãi 12.000.000 đồng, tổng là 48.000.000 đồng, cộng cả tháng đầu tiên là 60.000.000 đồng, các lần trả lãi trên các bên đều không lập văn bản gì. Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh không trả được gốc và lãi cho anh M, từ đó anh M có vài lần đến nhà anh đòi tiền và anh có gửi tiền về cho bố anh là ông D để trả cho anh M 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng vào các ngày 17/01/2020, ngày 06/07/2020, ngày 16/6/2021, tổng số là 30.000.000 đồng, các lần trả trên đều lập văn bản và anh M có ký giấy nhận tiền.

Nay anh M yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 100.000.000 đồng gốc, ý kiến của anh là nhất trí trả số tiền trên. Đối với yêu cầu trả lãi, anh xác định số tiền 30.000.000 đồng đã trả vào các ngày 17/01/2020, ngày 06/07/2020, ngày 16/6/2021, là trả vào lãi, anh đề nghị được trừ vào số tiền lãi 36.000.000 đồng mà anh M yêu cầu.

Tại phiên tòa, anh Ngh có mặt và trình bày: đối với nội dung anh trình bày đã trả cho anh M số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi, tại phiên tòa anh không đề nghị Hội đồng xem xét nội dung này. Nay anh nhất trí trả anh M số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Y đã được Tòa án

thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Y không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa, chị Y vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, buộc vợ chồng anh Ngh, chị Y có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh M, chị H số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử là 6.000.000 đồng.

Về án phí: anh Ngh, chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là chị Y vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh M tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn M đòi vợ chồng anh Trần Trọng Ngh, chị Phạm Thị Y trả số tiền là 100.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện, anh M có giao nộp 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/10/2018 ghi số tiền vay là 100.000.000 đồng, có chữ ký của anh Ngh, chị Y tại mục người vay. Anh Ngh cũng thừa nhận vợ chồng anh có viết và ký tên tại giấy biên nhận vay tiền trên, anh Ngh cho rằng thực tế anh chỉ được nhận số tiền 88.000.000 đồng và sau khi vay anh đã trả lãi được số tiền 48.000.000 đồng, nhưng anh Ngh không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, tại phiên tòa anh Ngh cũng không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền đã trả trên. Nay anh Ngh cũng nhất trí trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Chị Y không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh M, nhưng anh Ngh là chồng chị Y xác nhận chữ ký trong giấy biên nhận là do chị Y ký. Từ các chứng cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh M là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do vợ chồng anh Ngh, chị Y không có ý thức thanh toán trả nợ cho vợ chồng anh M, mặc dù anh M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Ngh thanh toán nhưng vợ chồng anh Ngh vẫn không thanh toán nên buộc anh M phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của anh M là phù hợp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về trách nhiệm trả nợ: Anh M yêu cầu vợ chồng anh Ngh, chị Y cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Hội đồng xét xử thấy giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/10/2018 do chị Y, anh Ngh ký tên, anh Ngh xác nhận chữ ký trên là do vợ chồng anh cùng ký. Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ trả nợ trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng anh Ngh, chị Y.

[3] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện, anh M yêu cầu vợ chồng anh Ngh phải trả số tiền lãi là 36.000.000 đồng, anh Ngh cũng nhất trí trả số tiền trên và đề nghị trừ số tiền 30.000.000 đồng đã trả vào tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy, tại giấy biên nhận các bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả là ngày 09/01/2019, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì lãi suất được tính từ thời điểm 09/01/2019, các bên có thống nhất về số tiền lãi. Như vậy, mức lãi suất trong trường hợp này thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận và theo quy định tại khoản 1 Điều 468 quy định các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm. Từ các dẫn chứng trên thì thấy thời gian tính lãi từ 10/01/2019 đến ngày xét xử 17/02/2022 là 03 năm, 01 tháng 07 ngày. Do đó anh M yêu cầu lãi suất như trên là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: anh M yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của anh M được chấp nhận nên vợ chồng anh Ngh, chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 106.000.000 đồng x 5% = 5.300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

1. Buộc vợ chồng anh Trần Trọng Ngh, chị Phạm Thị Y phải liên đới trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) gốc và 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) lãi. Tổng số là 106.000.000 đồng (một trăm linh sáu triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 17/02/2022, vợ chồng anh Ngh, chị Y phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: vợ chồng anh Trần Trọng Ngh, chị Phạm Thị Y phải chịu 5.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn M số tiền 3.400.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011282 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Tư Duy**